

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
KHO VẠN TÂN CẢNG**

BẢO CẢO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022
TẠI ANH BÀNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHO VẠN TÂN CẢNG
CÔNG TY CỔ PHẦN

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	12 - 36



NOTICE

1. Notice of the proposed sale of the property.
2. The date and time of the sale.
3. The location of the property.
4. The name of the owner.
5. The name of the creditor.
6. The amount of the debt.
7. The date of the judgment.
8. The name of the court.
9. The name of the sheriff.
10. The name of the clerk.

NOTICE OF SALE



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0309532497, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 01 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh 07 lần cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do thay đổi địa chỉ, bổ sung ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ, trong đó lần thứ 07 vào ngày 01 tháng 3 năm 2021 do thay đổi địa chỉ.

Vốn điều lệ của Công ty: 199.910.200.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 028 37 423 929
- Fax : 028 37 423 029
- E-mail : khovantancang@saigonnewport.com.vn

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Dịch vụ đại lý làm thủ tục hải quan, đại lý vận tải hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ xếp dỡ, vận tải container, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh, dịch vụ đại lý tàu biển.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Ngô Văn Ngự	Chủ tịch	Ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Trịnh Văn Mọi	Ủy viên	Ngày 24 tháng 4 năm 2015
Ông Trần Quang Thảo	Ủy viên	Ngày 24 tháng 4 năm 2015
Ông Đoàn Phi	Ủy viên	Ngày 01 tháng 4 năm 2018
Ông Đỗ Xuân Minh	Ủy viên	Ngày 01 tháng 3 năm 2019

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	Trưởng ban	Ngày 17 tháng 6 năm 2021
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên	Ngày 26 tháng 6 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên	Ngày 17 tháng 6 năm 2021

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Quang Thảo	Giám đốc	Ngày 01 tháng 4 năm 2018
Ông Đoàn Phi	Phó Giám đốc	Ngày 01 tháng 4 năm 2018
Ông Bùi Văn Bằng	Phó Giám đốc	Ngày 11 tháng 5 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Hồng Liên	Kế toán trưởng	Ngày 04 tháng 9 năm 2018

Mathematics

The following table shows the results of the mathematics test for the year 2023. The table is divided into two columns: 'Number of Questions' and 'Percentage Correct'.

The table shows that the number of questions was 50 and the percentage correct was 70%. This indicates that the students performed well on the test.

The following table shows the results of the mathematics test for the year 2022. The table is divided into two columns: 'Number of Questions' and 'Percentage Correct'.

The table shows that the number of questions was 50 and the percentage correct was 65%. This indicates that the students performed well on the test.

The following table shows the results of the mathematics test for the year 2021. The table is divided into two columns: 'Number of Questions' and 'Percentage Correct'.

Year	Number of Questions	Percentage Correct
2023	50	70%
2022	50	65%
2021	50	60%

The following table shows the results of the mathematics test for the year 2020. The table is divided into two columns: 'Number of Questions' and 'Percentage Correct'.

Year	Number of Questions	Percentage Correct
2020	50	55%
2019	50	50%
2018	50	45%

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Quang Thảo (bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2018).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Trần Quang Thảo

Ngày 8 tháng 8 năm 2022

00000000

00000000

00000000

00000000

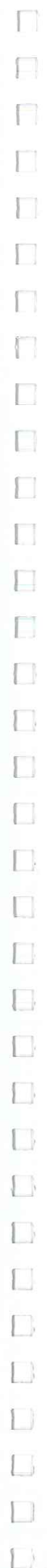
00000000

00000000

00000000

00000000

00000000



CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		315.411.517.891	324.140.195.480
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	61.622.651.563	102.801.512.489
1. Tiền	111		22.622.651.563	20.800.507.469
2. Các khoản tương đương tiền	112		39.000.000.000	82.001.005.020
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		113.000.000.000	104.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	113.000.000.000	104.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		132.462.376.199	105.542.202.415
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	126.028.093.577	95.917.654.885
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4a	4.065.612.971	7.318.307.431
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	5.195.639.072	5.112.605.520
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(2.826.969.421)	(2.806.365.421)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		3.038.981.939	3.851.697.098
1. Hàng tồn kho	141	V.7	3.038.981.939	3.851.697.098
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.287.508.190	7.944.783.478
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11a	4.947.410.382	7.837.945.668
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		340.097.808	106.837.810
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Inventory List

Item ID	Description	Quantity	Unit Price	Total Value
001	Item 1	100	1.00	100.00
002	Item 2	50	2.00	100.00
003	Item 3	25	4.00	100.00
004	Item 4	10	10.00	100.00
005	Item 5	5	20.00	100.00
006	Item 6	2	50.00	100.00
007	Item 7	1	100.00	100.00
008	Item 8	100	1.00	100.00
009	Item 9	50	2.00	100.00
010	Item 10	25	4.00	100.00
011	Item 11	10	10.00	100.00
012	Item 12	5	20.00	100.00
013	Item 13	2	50.00	100.00
014	Item 14	1	100.00	100.00
015	Item 15	100	1.00	100.00
016	Item 16	50	2.00	100.00
017	Item 17	25	4.00	100.00
018	Item 18	10	10.00	100.00
019	Item 19	5	20.00	100.00
020	Item 20	2	50.00	100.00
021	Item 21	1	100.00	100.00
022	Item 22	100	1.00	100.00
023	Item 23	50	2.00	100.00
024	Item 24	25	4.00	100.00
025	Item 25	10	10.00	100.00
026	Item 26	5	20.00	100.00
027	Item 27	2	50.00	100.00
028	Item 28	1	100.00	100.00
029	Item 29	100	1.00	100.00
030	Item 30	50	2.00	100.00
031	Item 31	25	4.00	100.00
032	Item 32	10	10.00	100.00
033	Item 33	5	20.00	100.00
034	Item 34	2	50.00	100.00
035	Item 35	1	100.00	100.00
036	Item 36	100	1.00	100.00
037	Item 37	50	2.00	100.00
038	Item 38	25	4.00	100.00
039	Item 39	10	10.00	100.00
040	Item 40	5	20.00	100.00
041	Item 41	2	50.00	100.00
042	Item 42	1	100.00	100.00
043	Item 43	100	1.00	100.00
044	Item 44	50	2.00	100.00
045	Item 45	25	4.00	100.00
046	Item 46	10	10.00	100.00
047	Item 47	5	20.00	100.00
048	Item 48	2	50.00	100.00
049	Item 49	1	100.00	100.00
050	Item 50	100	1.00	100.00

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		178.940.799.229	189.988.374.094
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		6.755.256.000	6.755.256.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4b	6.755.256.000	6.755.256.000
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		133.601.126.798	144.727.841.434
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	127.022.827.913	137.865.127.127
<i>Nguyên giá</i>	222		529.305.244.994	526.484.634.610
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(402.282.417.081)	(388.619.507.483)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	6.578.298.885	6.862.714.307
<i>Nguyên giá</i>	228		14.815.960.458	14.050.975.146
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(8.237.661.573)	(7.188.260.839)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.10	505.534.996	2.168.907.850
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		505.534.996	2.168.907.850
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	28.100.000.000	28.100.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		28.100.000.000	28.100.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		9.978.881.435	8.236.368.810
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11b	6.742.027.882	7.170.722.032
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	3.236.853.553	1.065.646.778
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		494.352.317.120	514.128.569.574

1. The first part of the document is a list of names and addresses. This list is organized into columns, with names in the first column and addresses in the second column. The names are listed in alphabetical order.

Name	Address	City	State	Zip
John Doe	123 Main St	New York	NY	10001
Jane Smith	456 Elm St	Los Angeles	CA	90001
Robert Johnson	789 Oak St	Chicago	IL	60601
Mary White	101 Pine St	Houston	TX	77001
David Brown	202 Cedar St	Phoenix	AZ	85001
Susan Green	303 Birch St	Philadelphia	PA	19101
Michael Black	404 Maple St	San Antonio	TX	78101
Laura Pink	505 Walnut St	San Diego	CA	92101
James Gray	606 Spruce St	Dallas	TX	75201
Patricia Blue	707 Ash St	San Jose	CA	95101
Christopher Red	808 Hickory St	Austin	TX	78701
Nicole Purple	909 Cypress St	San Francisco	CA	94101
Andrew Gold	1010 Sycamore St	Fort Worth	TX	76101
Stephanie Silver	1111 Dogwood St	San Jose	CA	95101
Brandon Bronze	1212 Magnolia St	San Antonio	TX	78101
Crystal Copper	1313 Redwood St	San Diego	CA	92101
Justin Iron	1414 Juniper St	Dallas	TX	75201
Brittany Steel	1515 Fir St	San Jose	CA	95101
Eric Tin	1616 Hemlock St	Austin	TX	78701
Michelle Lead	1717 Spruce St	San Francisco	CA	94101
Adam Zinc	1818 Cedar St	Fort Worth	TX	76101
Chloe Nickel	1919 Birch St	San Jose	CA	95101
Benjamin Cobalt	2020 Pine St	San Antonio	TX	78101
Victoria Manganese	2121 Oak St	San Diego	CA	92101
Gregory Vanadium	2222 Elm St	Dallas	TX	75201
Isabella Chromium	2323 Maple St	San Jose	CA	95101
Christopher Molybdenum	2424 Walnut St	Austin	TX	78701
Olivia Niobium	2525 Spruce St	San Francisco	CA	94101
Matthew Zirconium	2626 Ash St	Fort Worth	TX	76101
Abigail Hafnium	2727 Hickory St	San Jose	CA	95101
Christopher Tantalum	2828 Cypress St	San Antonio	TX	78101
Madeline Vanadium	2929 Dogwood St	San Diego	CA	92101
Christopher Niobium	3030 Magnolia St	Dallas	TX	75201
Isabella Zirconium	3131 Redwood St	San Jose	CA	95101
Christopher Hafnium	3232 Juniper St	Austin	TX	78701
Olivia Vanadium	3333 Spruce St	San Francisco	CA	94101
Matthew Zirconium	3434 Cedar St	Fort Worth	TX	76101
Abigail Hafnium	3535 Birch St	San Jose	CA	95101
Christopher Molybdenum	3636 Pine St	San Antonio	TX	78101
Olivia Niobium	3737 Oak St	San Diego	CA	92101
Christopher Tantalum	3838 Elm St	Dallas	TX	75201
Madeline Vanadium	3939 Maple St	San Jose	CA	95101
Christopher Molybdenum	4040 Walnut St	Austin	TX	78701
Olivia Niobium	4141 Spruce St	San Francisco	CA	94101
Matthew Zirconium	4242 Ash St	Fort Worth	TX	76101
Abigail Hafnium	4343 Hickory St	San Jose	CA	95101
Christopher Tantalum	4444 Cypress St	San Antonio	TX	78101
Madeline Vanadium	4545 Dogwood St	San Diego	CA	92101
Christopher Niobium	4646 Magnolia St	Dallas	TX	75201
Olivia Zirconium	4747 Redwood St	San Jose	CA	95101
Christopher Hafnium	4848 Juniper St	Austin	TX	78701
Madeline Vanadium	4949 Spruce St	San Francisco	CA	94101
Christopher Zirconium	5050 Cedar St	Fort Worth	TX	76101

This document is a list of names and addresses. It is organized into columns, with names in the first column and addresses in the second column. The names are listed in alphabetical order.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		201.082.820.237	214.561.234.900
I. Nợ ngắn hạn	310		175.866.012.740	183.676.409.392
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	47.031.725.676	74.533.075.837
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		114.679.102	41.375.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	10.445.995.499	5.960.770.486
4. Phải trả người lao động	314		43.581.801.879	34.012.611.963
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	16.658.855.780	7.911.976.548
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	15.858.170.192	8.817.607.802
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	4.880.554.090	8.077.006.234
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	37.294.230.522	44.321.985.522
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		25.216.807.497	30.884.825.508
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	25.216.807.497	30.884.825.508
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

REPORT OF THE COMMISSIONER OF THE LAND OFFICE
FOR THE YEAR 1900
CONTAINING A SUMMARY OF THE LANDS BELONGING TO THE STATE
AND A LIST OF THE LANDS SOLD BY THE STATE DURING THE YEAR

CLASS OF LAND	ACRES	VALUE	REMARKS
Public Lands	1,234,567	\$1,234,567	
Unimproved	1,000,000	\$1,000,000	
Improved	234,567	\$234,567	
State Lands	567,890	\$567,890	
Unimproved	500,000	\$500,000	
Improved	67,890	\$67,890	
County Lands	123,456	\$123,456	
Unimproved	100,000	\$100,000	
Improved	23,456	\$23,456	
Private Lands	345,678	\$345,678	
Unimproved	300,000	\$300,000	
Improved	45,678	\$45,678	
Total	2,211,591	\$2,211,591	

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		293.269.496.883	299.567.334.674
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	293.269.496.883	299.567.334.674
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		199.910.200.000	199.910.200.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		199.910.200.000	199.910.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		62.883.690.450	58.345.270.229
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		30.475.606.433	41.311.864.445
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.329.824.445	41.311.864.445
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		29.145.781.988	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		494.352.317.120	514.128.569.574

Lập, ngày 8 tháng 8 năm 2022

Người lập biểu

Nguyễn Cẩm Trang

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Liên

Giám đốc



Trần Quang Thảo

STT	TÊN SẢN PHẨM	QUY MÔ	THỜI GIAN	CHỖ	ĐƠN VỊ
1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100



Chức vụ

Họ và tên

Chức vụ

Họ và tên

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	362.103.915.788	358.513.015.832
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		362.103.915.788	358.513.015.832
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	280.089.762.840	279.949.192.106
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		82.014.152.948	78.563.823.726
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	8.165.003.042	9.195.161.673
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.756.371.879	2.044.009.532
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.749.972.899	2.035.419.522
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	6.121.221.657	4.584.313.610
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	26.030.388.416	20.191.369.502
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		56.271.174.038	60.939.292.755
11. Thu nhập khác	31	VI.7	347.424.413	224.845.183
12. Chi phí khác	32	VI.8	733.424.025	358.843.164
13. Lợi nhuận khác	40		(385.999.612)	(133.997.981)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		55.885.174.426	60.805.294.774
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	12.672.178.992	12.750.090.317
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	(2.171.206.775)	(1.497.143.395)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>45.384.202.209</u>	<u>49.552.347.852</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	-	-

Người lập biểu

Nguyễn Cẩm Trang

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Liên

Lập, ngày 8 tháng 8 năm 2022

Giám đốc



Trần Quang Thảo

PHƯƠNG ANH

Số: 01/2024

Về việc: **PHƯƠNG ANH**

Ngày: 15/01/2024

Địa chỉ: **PHƯƠNG ANH**

STT	Chi tiết	Số	Đơn vị
01	...	01	...
02	...	02	...
03	...	03	...
04	...	04	...
05	...	05	...
06	...	06	...
07	...	07	...
08	...	08	...
09	...	09	...
10	...	10	...
11	...	11	...
12	...	12	...
13	...	13	...
14	...	14	...
15	...	15	...
16	...	16	...
17	...	17	...
18	...	18	...
19	...	19	...
20	...	20	...
21	...	21	...
22	...	22	...
23	...	23	...
24	...	24	...
25	...	25	...
26	...	26	...
27	...	27	...
28	...	28	...
29	...	29	...
30	...	30	...
31	...	31	...

1. ...

2. ...

3. ...

4. ...

5. ...

6. ...

7. ...

8. ...

9. ...

10. ...

11. ...

12. ...

13. ...

14. ...

15. ...

16. ...

17. ...

18. ...

19. ...

20. ...

21. ...



[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

Ngày: 15/01/2024

Địa chỉ: **PHƯƠNG ANH**

...

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		55.885.174.426	60.805.294.774
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	VI.11	14.712.310.332	19.381.159.894
- Các khoản dự phòng	03		20.604.000	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	(35.522.375)	6.440.716
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7.931.136.895)	(9.166.594.304)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	1.749.972.899	2.035.419.522
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		64.401.402.387	73.061.720.602
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(20.423.819.285)	(41.662.401.062)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		812.715.159	(24.985.689)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(10.175.477.099)	9.401.743.355
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		3.319.229.436	1.150.470.353
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.567.949.885)	(1.749.163.274)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(9.776.436.798)	(4.659.929.690)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.18	14.000.000	35.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.18	(18.741.755.000)	(14.934.459.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		7.861.908.915	20.617.995.595
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(7.490.361.856)	(16.390.029.702)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(26.000.000.000)	(27.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		17.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.983.161.551	3.655.473.757
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(8.507.200.305)	(39.734.555.945)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33 V.17	7.400.000.000	10.095.101.632
4. Tiền trả nợ gốc vay	34 V.17	(16.264.470.155)	(8.054.942.714)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(31.719.533.800)	(201.199.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(40.584.003.955)	1.838.959.318
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(41.229.295.345)	(17.277.601.032)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	102.801.512.489	151.581.790.994
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	50.434.419	(8.626.379)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70 V.1	61.622.651.563	134.295.563.583

Người lập biểu

Nguyễn Cẩm Trang

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Liên

Lập, ngày 8 tháng 8 năm 2022

Giám đốc



Trần Quang Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN
 KHÔ VÂN
 TÂN CẢNG
 TRƯỜNG QUỐC TẾ PHỐ CHỢ HẢI PHÒNG
 SỐ 2, Đ. D. 0305341.C.T.C.

HỌ TÊN		CHỨC VỤ	
NGUYỄN VĂN AN	10/10/1980	TRƯỞNG	TRƯỞNG
TRẦN VĂN B	15/05/1985	PHỤ TRƯỞNG	PHỤ TRƯỞNG
ĐOÀN VĂN C	20/03/1990	THÀNH VIÊN	THÀNH VIÊN
LIÊN VĂN D	25/07/1995	THÀNH VIÊN	THÀNH VIÊN
PHẠM VĂN E	30/09/2000	THÀNH VIÊN	THÀNH VIÊN
NGUYỄN VĂN F	05/11/2005	THÀNH VIÊN	THÀNH VIÊN
TRẦN VĂN G	10/12/2010	THÀNH VIÊN	THÀNH VIÊN
ĐOÀN VĂN H	15/01/2015	THÀNH VIÊN	THÀNH VIÊN
LIÊN VĂN I	20/02/2020	THÀNH VIÊN	THÀNH VIÊN
PHẠM VĂN J	25/03/2025	THÀNH VIÊN	THÀNH VIÊN



NGUYỄN VĂN AN
 (Signature)

TRẦN VĂN B
 (Signature)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ đại lý làm thủ tục hải quan, đại lý vận tải hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ xếp dỡ, vận tải container, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh, dịch vụ đại lý tàu biển.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	Cảng Tân Cảng - Cát Lái, số 1295A, đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa; cho thuê kho bãi và lưu giữ hàng hóa; dịch vụ đóng gói.	57,50%	57,50%	57,50%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	Số 938A13 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu giữ hàng hóa.	51,00%	51,00%	51,00%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có 443 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 451 nhân viên).

THE UNIVERSITY OF CHICAGO
DEPARTMENT OF CHEMISTRY

1. The first part of the experiment is to determine the molar mass of a volatile liquid. This is done by measuring the mass of a known volume of the liquid at a known temperature and pressure. The ideal gas law is used to calculate the number of moles of gas, and the molar mass is then determined by dividing the mass by the number of moles.

2. The second part of the experiment is to determine the molar mass of a non-volatile liquid. This is done by measuring the mass of a known volume of the liquid at a known temperature and pressure. The ideal gas law is used to calculate the number of moles of gas, and the molar mass is then determined by dividing the mass by the number of moles.

3. The third part of the experiment is to determine the molar mass of a solid. This is done by measuring the mass of a known volume of the solid at a known temperature and pressure. The ideal gas law is used to calculate the number of moles of gas, and the molar mass is then determined by dividing the mass by the number of moles.

4. The fourth part of the experiment is to determine the molar mass of a liquid. This is done by measuring the mass of a known volume of the liquid at a known temperature and pressure. The ideal gas law is used to calculate the number of moles of gas, and the molar mass is then determined by dividing the mass by the number of moles.

5. The fifth part of the experiment is to determine the molar mass of a solid. This is done by measuring the mass of a known volume of the solid at a known temperature and pressure. The ideal gas law is used to calculate the number of moles of gas, and the molar mass is then determined by dividing the mass by the number of moles.

Sample	Mass (g)	Volume (L)	Temperature (K)	Pressure (atm)	Molar Mass (g/mol)
1	0.1234	0.0123	300.15	1.01325	100.0
2	0.2345	0.0234	300.15	1.01325	100.0
3	0.3456	0.0345	300.15	1.01325	100.0
4	0.4567	0.0456	300.15	1.01325	100.0
5	0.5678	0.0567	300.15	1.01325	100.0

6. The sixth part of the experiment is to determine the molar mass of a solid. This is done by measuring the mass of a known volume of the solid at a known temperature and pressure. The ideal gas law is used to calculate the number of moles of gas, and the molar mass is then determined by dividing the mass by the number of moles.

7. The seventh part of the experiment is to determine the molar mass of a liquid. This is done by measuring the mass of a known volume of the liquid at a known temperature and pressure. The ideal gas law is used to calculate the number of moles of gas, and the molar mass is then determined by dividing the mass by the number of moles.

8. The eighth part of the experiment is to determine the molar mass of a solid. This is done by measuring the mass of a known volume of the solid at a known temperature and pressure. The ideal gas law is used to calculate the number of moles of gas, and the molar mass is then determined by dividing the mass by the number of moles.

9. The ninth part of the experiment is to determine the molar mass of a liquid. This is done by measuring the mass of a known volume of the liquid at a known temperature and pressure. The ideal gas law is used to calculate the number of moles of gas, and the molar mass is then determined by dividing the mass by the number of moles.

10. The tenth part of the experiment is to determine the molar mass of a solid. This is done by measuring the mass of a known volume of the solid at a known temperature and pressure. The ideal gas law is used to calculate the number of moles of gas, and the molar mass is then determined by dividing the mass by the number of moles.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

THE UNIVERSITY OF CHICAGO
DEPARTMENT OF CHEMISTRY
505 EAST EAST ASIAN LIBRARY
CHICAGO, ILLINOIS 60607-7073
TEL: (773) 936-5200
FAX: (773) 936-5200

1. *Introduction*

1.1 *Background*

The purpose of this study is to investigate the effect of temperature on the rate of reaction between hydrogen peroxide and potassium iodide. The reaction is catalyzed by the presence of a small amount of potassium iodide. The rate of reaction is measured by the volume of oxygen gas evolved over a period of time.

2. *Experimental*

2.1 *Materials*

The materials used in this experiment are hydrogen peroxide (30% solution), potassium iodide (solid), and sulfuric acid (10% solution). The reaction is carried out in a conical flask fitted with a delivery tube leading to a gas syringe.

2.2 *Procedure*

A fixed volume of hydrogen peroxide is measured and placed in the conical flask. A fixed volume of potassium iodide solution is added to the flask. The flask is then placed in a water bath of known temperature. The reaction is started by the addition of a small amount of sulfuric acid. The volume of oxygen gas evolved is measured at regular intervals of time.

3. *Results*

3.1 *Data*

The following table shows the volume of oxygen gas evolved at different temperatures. The rate of reaction is calculated from the slope of the graph of volume of oxygen gas evolved versus time.

3.2 *Graph*

The graph shows that the rate of reaction increases with increasing temperature. The rate of reaction is directly proportional to the temperature of the reaction mixture.

The following table shows the rate of reaction at different temperatures. The rate of reaction is calculated from the slope of the graph of volume of oxygen gas evolved versus time.

The following table shows the rate of reaction at different temperatures. The rate of reaction is calculated from the slope of the graph of volume of oxygen gas evolved versus time.

The following table shows the rate of reaction at different temperatures. The rate of reaction is calculated from the slope of the graph of volume of oxygen gas evolved versus time.

The following table shows the rate of reaction at different temperatures. The rate of reaction is calculated from the slope of the graph of volume of oxygen gas evolved versus time.

The following table shows the rate of reaction at different temperatures. The rate of reaction is calculated from the slope of the graph of volume of oxygen gas evolved versus time.

The following table shows the rate of reaction at different temperatures. The rate of reaction is calculated from the slope of the graph of volume of oxygen gas evolved versus time.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

THE UNIVERSITY OF CHICAGO
DEPARTMENT OF THE HISTORY OF ARTS
1100 EAST 58TH STREET
CHICAGO, ILLINOIS 60637

Dear Mr. [Name],
I have your letter of [Date] regarding [Subject].
I am sorry that I cannot give you a more definite answer at this time.
The matter is still under consideration and I will contact you again as soon as a final decision has been reached.
Thank you for your patience and understanding.
Sincerely,
[Name]

I am sorry that I cannot give you a more definite answer at this time.
The matter is still under consideration and I will contact you again as soon as a final decision has been reached.
Thank you for your patience and understanding.

I am sorry that I cannot give you a more definite answer at this time.
The matter is still under consideration and I will contact you again as soon as a final decision has been reached.
Thank you for your patience and understanding.

I am sorry that I cannot give you a more definite answer at this time.
The matter is still under consideration and I will contact you again as soon as a final decision has been reached.
Thank you for your patience and understanding.

I am sorry that I cannot give you a more definite answer at this time.
The matter is still under consideration and I will contact you again as soon as a final decision has been reached.
Thank you for your patience and understanding.

I am sorry that I cannot give you a more definite answer at this time.
The matter is still under consideration and I will contact you again as soon as a final decision has been reached.
Thank you for your patience and understanding.



CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là nguyên vật liệu được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.



1. The first part of the document is a letter from the author to the editor of the journal. The letter discusses the author's interest in the topic and the reasons for writing the paper. It also mentions the author's previous work in the field and expresses a hope that the paper will contribute to the understanding of the subject.

2. The second part of the document is the abstract of the paper. It provides a brief summary of the main findings and conclusions of the study. The abstract is followed by the introduction, which sets the context for the research and outlines the objectives of the study. The introduction also discusses the significance of the research and the methods used to collect and analyze the data.

3. The third part of the document is the main body of the paper, which is divided into several sections. The first section discusses the theoretical background of the research, including a review of the literature on the topic. The second section describes the methodology used in the study, including the design of the experiment and the procedures for data collection and analysis. The third section presents the results of the study, which are discussed in detail in the following sections.

4. The fourth part of the document is the discussion, which interprets the results of the study and discusses their implications for the field. The discussion also addresses the limitations of the study and suggests directions for future research. The final section of the paper is the conclusion, which summarizes the main findings and conclusions of the study and provides a final statement on the significance of the research.

5. The fifth part of the document is the references, which list the sources of information used in the paper. The references are organized alphabetically by the author's name. The final part of the document is the appendix, which contains additional information that is not included in the main body of the paper. The appendix includes a list of the abbreviations used in the paper and a list of the figures and tables included in the paper.

6. The sixth part of the document is the index, which provides a list of the page numbers for each section of the paper. The index is organized alphabetically by the first letter of the section title. The final part of the document is the cover page, which includes the title of the paper, the author's name, and the journal's name and volume information.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí bảo hiểm và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn bảo hiểm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 12
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 05
Tài sản cố định khác	3 - 10

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

1. Introduction
This paper examines the concept of justice as presented in Plato's Republic. It will explore the various definitions of justice offered by the characters and how they relate to the overall structure of the city and the soul.

2. The City and the Soul
Plato's Republic is structured as a dialogue between Socrates and his interlocutors. The central theme is the search for a just city and a just soul. The city is described as a hierarchy of classes, each with its own function and virtue.

3. The Definition of Justice
Socrates eventually arrives at a definition of justice as the harmony of the parts of the soul. Each part must perform its proper function, and the whole must be in a state of balance and order.

4. The Virtues of the City and the Soul
The virtues of the city are courage, moderation, and wisdom. The virtues of the soul are the same, but they are internalized. The philosopher-king is the one who has the wisdom to rule justly.

5. The Allegory of the Cave
The Allegory of the Cave is a powerful metaphor for the human condition. It illustrates the difference between the world of appearances and the world of reality. The philosopher's task is to escape the cave and see the truth.

6. The Role of the Philosopher-King
The philosopher-king is the ideal ruler. He is the one who has the wisdom to see the truth and the courage to act on it. He is the one who can bring about a just city.

7. Conclusion
Plato's Republic is a profound work of political philosophy. It offers a vision of a just society and a just individual. It challenges us to think about the nature of justice and the role of the individual in society.

8. Bibliography
Plato, Republic. Translated by [Name].
[Name], [Title]. [Publisher].

9. Appendix
[Name], [Title]. [Publisher].

10. Footnote
[Name], [Title]. [Publisher].

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Assignment 1

Answer the following questions in your own words.

Question 1

1. Define the term "contract" and list its essential elements.

Question 2

2. Explain the difference between a contract and a quasi-contract.

3. Discuss the concept of "offer" and "acceptance" in contract law.

4. Describe the requirements for a contract to be enforceable.

Question 3

5. What is the legal effect of a contract?

6. Explain the concept of "breach of contract".

Question 4

7. Discuss the remedies available for breach of contract.

Question 5

8. Explain the concept of "tort" and list its types.

9. Discuss the elements of negligence.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	423.405.958	262.990.801
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	22.199.245.605	20.537.516.668
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	39.000.000.000	82.001.005.020
Cộng	61.622.651.563	102.801.512.489

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 06 tháng lãi suất từ 4,6% – 4,9%/năm, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

2b. Đầu tư vào Công ty con

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Số lượng cổ phiếu	Giá trị
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái ⁽ⁱ⁾	2.300.000	23.000.000.000	2.300.000	23.000.000.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực ⁽ⁱⁱ⁾	510.000	5.100.000.000	510.000	5.100.000.000
Cộng		28.100.000.000		28.100.000.000

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0310151760 ngày 13 tháng 07 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 ngày 07 tháng 8 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái có vốn điều lệ là 40.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái 23.000.000.000 VND, sở hữu 2.300.000 cổ phần tương đương 57,50% vốn điều lệ (không thay đổi so với số đầu năm).

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310959597 ngày 30 tháng 6 năm 2011 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 21 tháng 11 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực có vốn điều lệ là 10.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực 5.100.000.000 VND, sở hữu 510.000 cổ phần tương đương 51% vốn điều lệ (không thay đổi so với đầu năm).

INVESTMENT IN U.S. GOVERNMENT SECURITIES

1. Description of the investment: U.S. Treasury Bonds, Series 4020, dated 10/1/73, maturing 10/1/78. The investment was made on 10/1/73 for a total cost of \$10,000.00. The investment is held in a custodial account with the U.S. Treasury Department.

2. The following table shows the cost of the investment and the amount of the investment as of the end of each year:

Year	Cost	Amount
1973	\$10,000.00	\$10,000.00
1974	\$10,000.00	\$10,000.00
1975	\$10,000.00	\$10,000.00
1976	\$10,000.00	\$10,000.00
1977	\$10,000.00	\$10,000.00
1978	\$10,000.00	\$10,000.00

3. The following table shows the interest received on the investment and the amount of the interest as of the end of each year:

Year	Interest	Amount
1973	\$0.00	\$0.00
1974	\$0.00	\$0.00
1975	\$0.00	\$0.00
1976	\$0.00	\$0.00
1977	\$0.00	\$0.00
1978	\$0.00	\$0.00

4. The following table shows the total amount of the investment and the amount of the investment as of the end of each year:

Year	Total	Amount
1973	\$10,000.00	\$10,000.00
1974	\$10,000.00	\$10,000.00
1975	\$10,000.00	\$10,000.00
1976	\$10,000.00	\$10,000.00
1977	\$10,000.00	\$10,000.00
1978	\$10,000.00	\$10,000.00

5. The following table shows the total amount of the investment and the amount of the investment as of the end of each year:

Year	Total	Amount
1973	\$10,000.00	\$10,000.00
1974	\$10,000.00	\$10,000.00
1975	\$10,000.00	\$10,000.00
1976	\$10,000.00	\$10,000.00
1977	\$10,000.00	\$10,000.00
1978	\$10,000.00	\$10,000.00

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của công ty con

Công ty con đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với công ty con như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty con	8.494.140.091	327.973.606
Sử dụng dịch vụ của Công ty con	45.426.435.449	34.049.924.720
Cổ tức nhận được từ Công ty con	3.450.000.000	4.255.000.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty con	4.125.051.049	4.136.736.087
Sử dụng dịch vụ của Công ty con	5.607.287.308	2.268.945.600
Mua dầu tại Công ty con	2.672.970.179	2.530.464.064
Cổ tức nhận được từ Công ty con	1.275.000.000	1.275.000.000

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	93.376.787.413	65.920.696.716
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	78.719.512.907	52.026.968.640
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	6.982.317.852	1.996.779.842
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	4.112.674.890	4.926.570.334
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	459.500.000	416.091.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	86.699.931	118.533.700
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	3.011.585.200	6.435.753.200
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân cảng	4.496.633	-
Phải thu các khách hàng khác	32.651.306.164	29.996.958.169
Cộng	126.028.093.577	95.917.654.885

4. Trả trước cho người bán

4a. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho người bán khác	4.065.612.971	7.318.307.431
Công ty TNHH Hiệp Lực	3.377.628.000	6.755.256.000
Các nhà cung cấp khác	687.984.971	563.051.431
Cộng	4.065.612.971	7.318.307.431

4b. Trả trước cho người bán dài hạn

Là khoản trả trước tiền thuê cơ sở hạ tầng cho Công ty TNHH Hiệp Lực (Xem thuyết minh VII.2).

1. THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY
2. THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY

1. THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY

1. THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY
2. THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY

2. THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY

1. THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY
2. THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY

3. THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY

1. THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY
2. THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY

4. THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY

Item	Quantity	Price
1. THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY	1	\$10.00
2. THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY	1	\$10.00
3. THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY	1	\$10.00
4. THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY	1	\$10.00
5. THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY	1	\$10.00
6. THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY	1	\$10.00
7. THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY	1	\$10.00
8. THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY	1	\$10.00
9. THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY	1	\$10.00
10. THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY	1	\$10.00

5. THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY

Item	Quantity	Price
1. THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY	1	\$10.00
2. THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY	1	\$10.00
3. THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY	1	\$10.00
4. THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY	1	\$10.00
5. THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY	1	\$10.00
6. THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY	1	\$10.00
7. THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY	1	\$10.00
8. THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY	1	\$10.00
9. THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY	1	\$10.00
10. THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY	1	\$10.00

6. THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY

Item	Quantity	Price
1. THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY	1	\$10.00
2. THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY	1	\$10.00
3. THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY	1	\$10.00
4. THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY	1	\$10.00
5. THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY	1	\$10.00
6. THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY	1	\$10.00
7. THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY	1	\$10.00
8. THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY	1	\$10.00
9. THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY	1	\$10.00
10. THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY	1	\$10.00

7. THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY

1. THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY
2. THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>1.511.704.611</i>	-	<i>1.622.957.976</i>	-
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn – thu chi hộ nâng hạ	1.511.704.611	-	1.622.957.976	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>3.683.934.461</i>	-	<i>3.489.647.544</i>	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	1.328.356.162	-	1.380.380.818	-
Tạm ứng	1.295.578.290	-	774.356.527	-
Ký cược, ký quỹ	136.700.000	-	136.700.000	-
Các khoản chi hộ	898.723.408	-	1.156.476.204	-
Các khoản phải thu khác	24.576.601	-	41.733.995	-
Cộng	5.195.639.072	-	5.112.605.520	-

6. Nợ xấu

Là các khoản trích lập dự phòng phải thu khó đòi của khách hàng.

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hải Lưu	Trên 3 năm	516.997.000	(516.997.000)	516.997.000	(516.997.000)
Công ty TNHH Innopack Việt Nam	Trên 3 năm	1.565.679.417	(1.565.679.417)	1.565.679.417	(1.565.679.417)
Công ty TNHH TMDV Giao nhận Vận tải Haco	Trên 3 năm	207.813.000	(207.813.000)	207.813.000	(207.813.000)
Công ty Cổ phần Thương mại MDK	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	6.805.000	(3.402.500)	273.920.000	(136.960.000)
	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	217.115.000	(151.980.500)	-	-
Các khách hàng khác	Trên 3 năm	381.097.004	(381.097.004)	323.434.004	(323.434.004)
	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	-	-	79.260.000	(55.482.000)
Cộng		2.895.506.421	(2.826.969.421)	2.967.103.421	(2.806.365.421)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	2.806.365.421	3.049.777.904
Trích lập dự phòng bổ sung	40.848.000	-
Hoàn nhập dự phòng	(20.244.000)	-
Số cuối kỳ	2.826.969.421	3.049.777.904

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	2.864.156.615	3.676.694.609
Công cụ, dụng cụ	174.825.324	175.002.489
Cộng	3.038.981.939	3.851.697.098

1. The first part of the document is a list of names and addresses of the members of the committee. The names are listed in alphabetical order, and the addresses are given in full. The list is headed by the name of the committee, and the names of the members are listed in two columns. The addresses are listed in three columns.

Name	Address	Address	Address
Mr. A. B. C.	123 Main St.	New York	N.Y.
Mr. D. E. F.	456 Elm St.	Chicago	Ill.
Mr. G. H. I.	789 Oak St.	Philadelphia	Penn.
Mr. J. K. L.	101 Pine St.	Boston	Mass.
Mr. M. N. O.	202 Cedar St.	San Francisco	Calif.
Mr. P. Q. R.	303 Birch St.	Los Angeles	Calif.
Mr. S. T. U.	404 Spruce St.	Portland	Maine
Mr. V. W. X.	505 Fir St.	Seattle	Wash.
Mr. Y. Z. A.	606 Willow St.	Denver	Colo.
Mr. B. C. D.	707 Poplar St.	St. Louis	Mo.
Mr. E. F. G.	808 Hickory St.	Indianapolis	Ind.
Mr. H. I. J.	909 Walnut St.	Columbus	Ohio
Mr. K. L. M.	1010 Chestnut St.	Richmond	Virginia
Mr. N. O. P.	1111 Locust St.	San Antonio	Texas
Mr. Q. R. S.	1212 Maple St.	San Diego	Calif.
Mr. T. U. V.	1313 Olive St.	San Jose	Calif.
Mr. W. X. Y.	1414 Elm St.	San Francisco	Calif.
Mr. Z. A. B.	1515 Pine St.	San Francisco	Calif.

Name	Address	Address	Address
Mr. C. D. E.	1616 Spruce St.	San Francisco	Calif.
Mr. F. G. H.	1717 Fir St.	San Francisco	Calif.
Mr. I. J. K.	1818 Willow St.	San Francisco	Calif.
Mr. L. M. N.	1919 Poplar St.	San Francisco	Calif.
Mr. O. P. Q.	2020 Hickory St.	San Francisco	Calif.
Mr. R. S. T.	2121 Walnut St.	San Francisco	Calif.
Mr. U. V. W.	2222 Chestnut St.	San Francisco	Calif.
Mr. X. Y. Z.	2323 Locust St.	San Francisco	Calif.
Mr. A. B. C.	2424 Maple St.	San Francisco	Calif.
Mr. D. E. F.	2525 Olive St.	San Francisco	Calif.
Mr. G. H. I.	2626 Elm St.	San Francisco	Calif.
Mr. J. K. L.	2727 Pine St.	San Francisco	Calif.
Mr. M. N. O.	2828 Cedar St.	San Francisco	Calif.
Mr. P. Q. R.	2929 Birch St.	San Francisco	Calif.
Mr. S. T. U.	3030 Spruce St.	San Francisco	Calif.
Mr. V. W. X.	3131 Fir St.	San Francisco	Calif.
Mr. Y. Z. A.	3232 Willow St.	San Francisco	Calif.
Mr. B. C. D.	3333 Poplar St.	San Francisco	Calif.
Mr. E. F. G.	3434 Hickory St.	San Francisco	Calif.
Mr. H. I. J.	3535 Walnut St.	San Francisco	Calif.
Mr. K. L. M.	3636 Chestnut St.	San Francisco	Calif.
Mr. N. O. P.	3737 Locust St.	San Francisco	Calif.
Mr. Q. R. S.	3838 Maple St.	San Francisco	Calif.
Mr. T. U. V.	3939 Olive St.	San Francisco	Calif.
Mr. W. X. Y.	4040 Elm St.	San Francisco	Calif.
Mr. Z. A. B.	4141 Pine St.	San Francisco	Calif.

The second part of the document is a list of names and addresses of the members of the committee. The names are listed in alphabetical order, and the addresses are given in full. The list is headed by the name of the committee, and the names of the members are listed in two columns. The addresses are listed in three columns.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	169.719.335.860	184.882.469.766	109.329.138.257	4.794.825.743	57.758.864.984	526.484.634.610
Mua trong kỳ	-	-	-	-	161.100.000	161.100.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.941.866.452	-	-	-	717.643.932	2.659.510.384
Số cuối kỳ	<u>171.661.202.312</u>	<u>184.882.469.766</u>	<u>109.329.138.257</u>	<u>4.794.825.743</u>	<u>58.637.608.916</u>	<u>529.305.244.994</u>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	48.052.871.723	97.786.582.398	90.975.386.935	4.617.935.743	26.102.066.524	267.534.843.323
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	81.745.280.292	152.157.741.370	103.846.982.194	4.676.899.067	46.192.604.560	388.619.507.483
Khấu hao trong kỳ	4.176.152.883	5.559.100.708	1.958.043.367	24.028.335	1.945.584.305	13.662.909.598
Số cuối kỳ	<u>85.921.433.175</u>	<u>157.716.842.078</u>	<u>105.805.025.561</u>	<u>4.700.927.402</u>	<u>48.138.188.865</u>	<u>402.282.417.081</u>
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	87.974.055.568	32.724.728.396	5.482.156.063	117.926.676	11.566.260.424	137.865.127.127
Số cuối kỳ	<u>85.739.769.137</u>	<u>27.165.627.688</u>	<u>3.524.112.696</u>	<u>93.898.341</u>	<u>10.499.420.051</u>	<u>127.022.827.913</u>

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng - - - - -
Đang chờ thanh lý - - - - -

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 34.291.371.694 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Thiêm và Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.

...the ... of ... in ...

...the ... of ... in ...

...
...

...
...

...
...

...
...

...
...

...
...

...
...

...
...

...
...

...
...

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

Là phần mềm máy vi tính.

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	14.050.975.146	(7.188.260.839)	6.862.714.307
Mua trong kỳ	764.985.312	-	764.985.312
Khấu hao trong kỳ	-	(1.049.400.734)	(1.049.400.734)
Số cuối kỳ	14.815.960.458	(8.237.661.573)	6.578.298.885

Một số tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng có nguyên giá là 3.698.631.800 VND.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	-	926.085.312	(926.085.312)	
Xây dựng cơ bản dở dang	2.168.907.850	996.137.530	(2.659.510.384)	505.534.996
Công trình nhà kho 2 tầng tại Cảng Cát Lái	2.061.680.577	-	(1.607.558.425)	454.122.152
Dự án 3,2 ha Cảng Phú Hữu	-	51.412.844	-	51.412.844
Công trình kho 1	107.227.273	944.724.686	(1.051.951.959)	-
Cộng	2.168.907.850	1.922.222.842	(3.585.595.696)	505.534.996

Công ty không phát sinh chi phí lãi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ (cùng kỳ năm trước là 51.218.461 VND).

11. Chi phí trả trước

11a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	804.386.160	2.893.762.747
Chi phí bảo hiểm	3.138.607.227	4.241.900.276
Chi phí khác	1.004.416.995	702.282.645
Cộng	4.947.410.382	7.837.945.668

11b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	661.441.589	1.166.338.621
Chi phí sửa chữa	5.547.450.576	5.282.694.025
Chi phí khác	533.135.717	721.689.386
Cộng	6.742.027.882	7.170.722.032

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

12a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ là chi phí chưa có hóa đơn, chứng từ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	1.065.646.778	666.384.066
Phát sinh trong kỳ	3.236.853.553	2.163.527.461
Hoàn nhập trong kỳ	(1.065.646.778)	(666.384.066)
Số cuối kỳ	3.236.853.553	2.163.527.461

ĐỀ THI THỬ ĐẠI HỌC NĂM 2010

Thời gian làm bài: 150 phút (không kể thời gian phát đề)
 Thí sinh làm bài trong phòng thi này. Không được mang tài liệu ra khỏi phòng thi.

1. Cho hàm số $f(x) = x^3 - 3x^2 + 2x - 1$

1.1. Tìm tập xác định của hàm số.	1.2. Tìm tập giá trị của hàm số.
1.3. Tìm các cực trị của hàm số.	1.4. Tìm các điểm uốn của hàm số.
1.5. Tìm các tiệm cận của hàm số.	1.6. Tìm các trục đối xứng của hàm số.

2. Cho một hệ phương trình hai biến

2.1. Giải hệ phương trình.	2.2. Tìm tập nghiệm của hệ phương trình.
2.3. Tìm các nghiệm nguyên của hệ phương trình.	2.4. Tìm các nghiệm nguyên dương của hệ phương trình.
2.5. Tìm các nghiệm nguyên âm của hệ phương trình.	2.6. Tìm các nghiệm nguyên khác của hệ phương trình.

3. Cho một hàm số $f(x) = x^3 - 3x^2 + 2x - 1$

3.1. Tính đạo hàm của hàm số.	3.2. Tính đạo hàm cấp hai của hàm số.
3.3. Tính đạo hàm cấp ba của hàm số.	3.4. Tính đạo hàm cấp bốn của hàm số.
3.5. Tính đạo hàm cấp năm của hàm số.	3.6. Tính đạo hàm cấp sáu của hàm số.

4. Cho một hàm số $f(x) = x^3 - 3x^2 + 2x - 1$

4.1. Tính giá trị của hàm số tại $x = 1$.	4.2. Tính giá trị của hàm số tại $x = 2$.
4.3. Tính giá trị của hàm số tại $x = 3$.	4.4. Tính giá trị của hàm số tại $x = 4$.
4.5. Tính giá trị của hàm số tại $x = 5$.	4.6. Tính giá trị của hàm số tại $x = 6$.

5. Cho một hàm số $f(x) = x^3 - 3x^2 + 2x - 1$

5.1. Tính giá trị của hàm số tại $x = 1$.	5.2. Tính giá trị của hàm số tại $x = 2$.
5.3. Tính giá trị của hàm số tại $x = 3$.	5.4. Tính giá trị của hàm số tại $x = 4$.
5.5. Tính giá trị của hàm số tại $x = 5$.	5.6. Tính giá trị của hàm số tại $x = 6$.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

12b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ là Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ do phát sinh nhỏ.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	32.317.616.747	39.796.643.759
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	760.676.616	1.935.651.127
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	2.169.770.960	1.355.611.478
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	21.559.034.224	21.551.060.329
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	2.916.662.179	5.596.806.789
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	2.021.765.447	6.437.293.746
Công ty TNHH Phát triển nguồn Nhân lực Tân Cảng - STC	19.892.500	106.733.500
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	11.451.880	49.784.725
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	328.155.516	277.277.540
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	1.021.878.074	928.373.129
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	6.174.360	3.374.800
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	263.192.760	354.286.350
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước	2.885.760	38.085.300
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương	388.764.909	103.280.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	827.859.562	1.036.972.946
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	19.452.000	19.452.000
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng Cái Mép	-	2.600.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	14.714.108.929	34.736.432.078
Cộng	47.031.725.676	74.533.075.837

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	13.868.778.893	(11.280.317.086)	2.588.461.807
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.740.906.961	12.672.178.992	(9.776.436.798)	7.636.649.155
Thuế thu nhập cá nhân	1.219.863.525	4.516.872.149	(5.515.851.137)	220.884.537
Thuế môn bài	-	4.000.000	(4.000.000)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	66.083.993	(66.083.993)	-
Cộng	5.960.770.486	31.127.914.027	(26.642.689.014)	10.445.995.499

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ (mức thuế suất áp dụng từ 01/02/2022 theo Nghị định 15/2022/NĐ-CP). Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dịch vụ lưu kho bãi, cho thuê phương tiện và các dịch vụ đi kèm 8 %
- Cho thuê văn phòng và quyền sử dụng đất 10 %

THE UNIVERSITY OF CHICAGO
 LIBRARY

1. The first part of the book is devoted to a general introduction to the theory of groups. It begins with a discussion of the basic definitions and properties of groups, and then proceeds to a study of the structure of finite groups. The second part of the book is devoted to a study of the structure of infinite groups. It begins with a discussion of the basic definitions and properties of infinite groups, and then proceeds to a study of the structure of infinite groups.

12. The first part of the book is devoted to a general introduction to the theory of groups. It begins with a discussion of the basic definitions and properties of groups, and then proceeds to a study of the structure of finite groups. The second part of the book is devoted to a study of the structure of infinite groups. It begins with a discussion of the basic definitions and properties of infinite groups, and then proceeds to a study of the structure of infinite groups.

Chapter	Title	Page
1	Groups	1-10
2	Subgroups	11-20
3	Quotient Groups	21-30
4	Homomorphisms	31-40
5	Isomorphisms	41-50
6	Direct Products	51-60
7	Semidirect Products	61-70
8	Free Groups	71-80
9	Free Resoluble Groups	81-90
10	Free Soluble Groups	91-100
11	Free Nilpotent Groups	101-110
12	Free Groups of Rank 2	111-120
13	Free Groups of Rank 3	121-130
14	Free Groups of Rank 4	131-140
15	Free Groups of Rank 5	141-150
16	Free Groups of Rank 6	151-160
17	Free Groups of Rank 7	161-170
18	Free Groups of Rank 8	171-180
19	Free Groups of Rank 9	181-190
20	Free Groups of Rank 10	191-200
21	Free Groups of Rank 11	201-210
22	Free Groups of Rank 12	211-220
23	Free Groups of Rank 13	221-230
24	Free Groups of Rank 14	231-240
25	Free Groups of Rank 15	241-250
26	Free Groups of Rank 16	251-260
27	Free Groups of Rank 17	261-270
28	Free Groups of Rank 18	271-280
29	Free Groups of Rank 19	281-290
30	Free Groups of Rank 20	291-300

13. The first part of the book is devoted to a general introduction to the theory of groups. It begins with a discussion of the basic definitions and properties of groups, and then proceeds to a study of the structure of finite groups. The second part of the book is devoted to a study of the structure of infinite groups. It begins with a discussion of the basic definitions and properties of infinite groups, and then proceeds to a study of the structure of infinite groups.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (kỳ trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	55.885.174.426	60.805.294.774
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	12.023.071.348	8.358.004.356
- Các khoản điều chỉnh tăng	17.424.748.215	11.697.062.412
<i>Chi phí không hợp lý hợp lệ</i>	1.240.480.449	870.732.874
<i>Chi phí trích trước chưa có hóa đơn chứng từ</i>	16.184.267.766	10.817.637.305
<i>Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền và các khoản phải thu</i>	-	8.692.233
- Các khoản điều chỉnh giảm	(5.401.676.867)	(3.339.058.056)
<i>Chi phí trích trước đã có hóa đơn chứng từ trong kỳ này</i>	(5.328.233.890)	(3.331.920.332)
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền và các khoản phải thu</i>	(52.583.446)	(7.137.724)
<i>Lỗi chênh lệch tỷ giá của tiền và các khoản phải thu năm trước</i>	(20.859.531)	-
Thu nhập chịu thuế	67.908.245.774	69.163.299.130
Thu nhập được miễn thuế (cổ tức được chia)	(4.725.000.000)	(5.530.000.000)
Thu nhập tính thuế	63.183.245.774	63.633.299.130
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	12.636.649.155	12.726.659.826
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	35.529.837	23.430.491
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	12.672.178.992	12.750.090.317

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	6.789.597.126	3.136.003.760
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Tiền ăn ca, nâng hạ, sử dụng điện nước	805.914.419	460.263.683
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực - Chi phí nhiên liệu	277.834.381	45.282.682
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái - Chi phí vận chuyên, nâng hạ	4.180.975.644	2.298.608.182
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng - Chi phí xăng dầu	329.610.708	5.494.619
Công ty Cổ phần Cung ứng TCOTS- Cát Lái - Chi phí mua thực phẩm	308.973.002	326.354.594
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng - Chi phí vệ sinh, sửa chữa cont	334.264.114	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung (*)	124.000	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Phú Hữu (*)	142.828.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng (*)	27.681.291	-
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng (*)	119.020.500	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước(*)	15.612.000	-
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng (*)	246.759.067	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	9.869.258.654	4.775.972.788
Trích trước chi phí xây dựng kho CFS 01	-	2.303.217.658
Chi phí lãi vay phải trả	182.023.014	-
Chi phí bốc xếp, nâng hạ, vận chuyên	7.893.228.708	937.400.000
Chi phí hoa hồng	504.037.376	297.726.818
Chi phí cho người lao động	477.628.566	1.184.506.320
Chi phí sửa chữa	684.273.703	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	128.067.287	53.121.992
Cộng	16.658.855.780	7.911.976.548

(*) Các khoản phải trả về chi phí vận chuyên, nâng hạ.

16. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	8.000.000.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Cổ tức phải trả	8.000.000.000	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	7.858.170.192	8.817.607.802
Kinh phí công đoàn	703.369.507	1.046.312.455
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	825.696.192	1.666.510.242
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	969.015.013	832.394.342
Cổ tức phải trả	2.792.900.550	2.530.394.350
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.567.188.930	2.741.996.413
Cộng	15.858.170.192	8.817.607.802

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

1. The first part of the paper is devoted to a general discussion of the problem. In the second part, we shall consider the case of a linear system. In the third part, we shall consider the case of a nonlinear system. In the fourth part, we shall consider the case of a system with a delay. In the fifth part, we shall consider the case of a system with a distributed delay. In the sixth part, we shall consider the case of a system with a time-varying delay. In the seventh part, we shall consider the case of a system with a time-varying distributed delay. In the eighth part, we shall consider the case of a system with a time-varying delay and a time-varying distributed delay. In the ninth part, we shall consider the case of a system with a time-varying delay and a time-varying distributed delay and a time-varying delay. In the tenth part, we shall consider the case of a system with a time-varying delay and a time-varying distributed delay and a time-varying delay and a time-varying distributed delay.

Section	Page	Page
1. General discussion	1-10	1-10
2. Linear system	11-20	11-20
3. Nonlinear system	21-30	21-30
4. System with a delay	31-40	31-40
5. System with a distributed delay	41-50	41-50
6. System with a time-varying delay	51-60	51-60
7. System with a time-varying distributed delay	61-70	61-70
8. System with a time-varying delay and a time-varying distributed delay	71-80	71-80
9. System with a time-varying delay and a time-varying distributed delay and a time-varying delay	81-90	81-90
10. System with a time-varying delay and a time-varying distributed delay and a time-varying delay and a time-varying distributed delay	91-100	91-100

Section	Page	Page
11. System with a time-varying delay and a time-varying distributed delay and a time-varying delay and a time-varying distributed delay and a time-varying delay	101-110	101-110
12. System with a time-varying delay and a time-varying distributed delay and a time-varying delay and a time-varying distributed delay and a time-varying delay and a time-varying distributed delay	111-120	111-120
13. System with a time-varying delay and a time-varying distributed delay and a time-varying delay and a time-varying distributed delay and a time-varying delay and a time-varying distributed delay and a time-varying delay	121-130	121-130
14. System with a time-varying delay and a time-varying distributed delay and a time-varying delay and a time-varying distributed delay and a time-varying delay and a time-varying distributed delay and a time-varying delay and a time-varying distributed delay	131-140	131-140
15. System with a time-varying delay and a time-varying distributed delay and a time-varying delay and a time-varying distributed delay and a time-varying delay and a time-varying distributed delay and a time-varying delay and a time-varying distributed delay and a time-varying delay	141-150	141-150
16. System with a time-varying delay and a time-varying distributed delay and a time-varying delay and a time-varying distributed delay and a time-varying delay and a time-varying distributed delay and a time-varying delay and a time-varying distributed delay and a time-varying delay and a time-varying distributed delay	151-160	151-160
17. System with a time-varying delay and a time-varying distributed delay and a time-varying delay and a time-varying distributed delay and a time-varying delay and a time-varying distributed delay and a time-varying delay and a time-varying distributed delay and a time-varying delay and a time-varying distributed delay and a time-varying delay	161-170	161-170
18. System with a time-varying delay and a time-varying distributed delay and a time-varying delay and a time-varying distributed delay and a time-varying delay and a time-varying distributed delay and a time-varying delay and a time-varying distributed delay and a time-varying delay and a time-varying distributed delay and a time-varying delay and a time-varying distributed delay	171-180	171-180
19. System with a time-varying delay and a time-varying distributed delay and a time-varying delay and a time-varying distributed delay and a time-varying delay and a time-varying distributed delay and a time-varying delay and a time-varying distributed delay and a time-varying delay and a time-varying distributed delay and a time-varying delay and a time-varying distributed delay and a time-varying delay	181-190	181-190
20. System with a time-varying delay and a time-varying distributed delay and a time-varying delay and a time-varying distributed delay and a time-varying delay and a time-varying distributed delay and a time-varying delay and a time-varying distributed delay and a time-varying delay and a time-varying distributed delay and a time-varying delay and a time-varying distributed delay and a time-varying delay and a time-varying distributed delay	191-200	191-200

The above table shows the page numbers of the sections of the paper. The page numbers are given in the first column. The page numbers of the sections are given in the second column. The page numbers of the sections are given in the third column.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

17. Vay

17a. Vay ngắn hạn

Là các khoản vay dài hạn đến hạn trả, bao gồm: (Xem thuyết minh V.17b).

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú	-	4.253.595.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	4.067.434.090	3.010.291.234
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm	813.120.000	813.120.000
Cộng	<u>4.880.554.090</u>	<u>8.077.006.234</u>

Công ty có khả năng trả được khoản vay dài hạn đến hạn trả.

Chi tiết số phát sinh về khoản vay dài hạn đến hạn trả trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	8.077.006.234	16.109.885.428
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	4.560.818.651	9.345.802.618
Số tiền vay đã trả	(7.757.270.795)	(8.054.942.714)
Số cuối kỳ	<u>4.880.554.090</u>	<u>17.400.745.332</u>

17b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú	-	9.570.598.110
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	22.370.887.497	18.061.747.398
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾	2.845.920.000	3.252.480.000
Cộng	<u>25.216.807.497</u>	<u>30.884.825.508</u>

- (i) Khoản vay dài hạn phải trả Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 27565/20MN/HĐTD ngày 28 tháng 10 năm 2020 để xây dựng kho CFS số 6 tại Cảng Cát Lái. Lãi suất khoản vay năm đầu: 9,3%/năm (cố định). Từ năm thứ 2 trở đi: Lãi suất cho vay bằng lãi suất huy động KHDN kỳ hạn 12 tháng, lĩnh lãi cuối kỳ của HDBank (loại 1) + biên độ 2,2%/năm, lãi suất cho vay tối thiểu 9%/năm (LS cho vay điều chỉnh 03 tháng/lần). Tài sản đảm bảo bao gồm: Công trình xây dựng trên đất và quyền khai thác CTXD hình thành từ dự án xây dựng kho chứa hàng CFS giai đoạn 2 (Kho 6) của Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng và toàn bộ lợi ích phát sinh từ dự án này; Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng số 1989/KHKT-TC ngày 19/11/2010 và các phụ lục kèm theo tương ứng với diện tích cơ sở hạ tầng dùng để đầu tư kho CFS giai đoạn 2 (kho số 6) ký giữa Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng và Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn. Thời hạn vay là 96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 01 năm (khoản vay được bắt đầu trả nợ từ năm 2022).

- (ii) Khoản vay dài hạn phải trả Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Thủ Thiêm theo hợp đồng tín dụng số 233/VCB.TT/21DH ngày 02 tháng 12 năm 2021 để đầu tư 04 Xe Nâng điện Reach Truck. Lãi suất ưu đãi 24 tháng đầu tiên là 7,6%/năm, sau thời gian ưu đãi là lãi suất cơ sở (bằng lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân bằng VND, kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của Vietcombank được công bố trên web theo từng thời kỳ) cộng biên độ 2,8%/năm. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

1. The first part of the document is a letter from the author to the editor of the journal. The letter discusses the author's interest in the topic and the reasons for writing the paper. It also mentions the author's affiliation and contact information.

2. Introduction

The purpose of this study is to investigate the effects of the proposed method on the performance of the system. The study is organized as follows: Section 2 describes the background and motivation of the work. Section 3 presents the methodology used in the study. Section 4 reports the experimental results and discusses their implications. Section 5 concludes the paper and suggests directions for future research.

The proposed method is based on the principle of... The results of the experiments show that the proposed method significantly improves the performance of the system compared to the baseline method. The improvement is most pronounced in the case of... The proposed method is simple and easy to implement, which makes it a promising candidate for practical applications. The study also highlights the importance of... The authors would like to thank the anonymous reviewers for their constructive comments and suggestions. This work was supported by the National Natural Science Foundation of China (Grant No. XXXXX).

3. Methodology

The proposed method consists of the following steps: (1) Data collection: The data used in the study were collected from... (2) Data preprocessing: The data were preprocessed to remove noise and outliers. (3) Feature extraction: The features were extracted from the data using... (4) Model training: The model was trained using the extracted features. (5) Model evaluation: The performance of the model was evaluated using... The proposed method is compared with the baseline method using the following metrics: accuracy, precision, recall, and F1 score.

The results of the experiments show that the proposed method significantly outperforms the baseline method in terms of accuracy, precision, recall, and F1 score. The improvement is most pronounced in the case of... The proposed method is simple and easy to implement, which makes it a promising candidate for practical applications. The study also highlights the importance of... The authors would like to thank the anonymous reviewers for their constructive comments and suggestions. This work was supported by the National Natural Science Foundation of China (Grant No. XXXXX).

The proposed method is based on the principle of... The results of the experiments show that the proposed method significantly improves the performance of the system compared to the baseline method. The improvement is most pronounced in the case of... The proposed method is simple and easy to implement, which makes it a promising candidate for practical applications. The study also highlights the importance of... The authors would like to thank the anonymous reviewers for their constructive comments and suggestions. This work was supported by the National Natural Science Foundation of China (Grant No. XXXXX).

The authors would like to thank the anonymous reviewers for their constructive comments and suggestions. This work was supported by the National Natural Science Foundation of China (Grant No. XXXXX).

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	4.880.554.090	8.077.006.234
Trên 1 năm đến 5 năm	19.115.656.360	24.864.242.940
Trên 5 năm	6.101.151.137	6.020.582.568
Cộng	<u>30.097.361.587</u>	<u>38.961.831.742</u>

Chi tiết phát sinh của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	30.884.825.508	31.319.533.318
Số tiền vay phát sinh	7.400.000.000	10.095.101.632
Số tiền vay đã trả	(8.507.199.360)	-
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(4.560.818.651)	(9.345.802.618)
Số cuối kỳ	<u>25.216.807.497</u>	<u>32.068.832.332</u>

17c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Quỹ khen thưởng</u>	<u>Quỹ phúc lợi</u>	<u>Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	8.708.086.865	35.357.898.657	256.000.000	44.321.985.522
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	2.974.586.348	8.725.413.652	-	11.700.000.000
Tăng khác	14.000.000	-	-	14.000.000
Chi quỹ trong kỳ	(3.005.000.000)	(15.480.755.000)	(256.000.000)	(18.741.755.000)
Số cuối kỳ	<u>8.691.673.213</u>	<u>28.602.557.309</u>	<u>-</u>	<u>37.294.230.522</u>

19. Vốn chủ sở hữu**19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	199.910.200.000	37.328.168.600	80.169.053.346	317.407.421.946
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	49.552.347.852	49.552.347.852
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước	-	-	(51.976.652.000)	(51.976.652.000)
Trích các quỹ từ lợi nhuận năm trước	-	13.942.092.370	(27.641.286.897)	(13.699.194.527)
Trích các quỹ từ lợi nhuận trong kỳ	-	4.955.234.785	(16.896.901.452)	(11.941.666.667)
Số dư cuối kỳ trước	<u>199.910.200.000</u>	<u>56.225.495.755</u>	<u>33.206.560.849</u>	<u>289.342.256.604</u>
Số dư đầu năm nay	199.910.200.000	58.345.270.229	41.311.864.445	299.567.334.674
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	45.384.202.209	45.384.202.209
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước	-	-	(39.982.040.000)	(39.982.040.000)
Trích các quỹ từ lợi nhuận kỳ này	-	4.538.420.221	(16.238.420.221)	(11.700.000.000)
Số dư cuối kỳ này	<u>199.910.200.000</u>	<u>62.883.690.450</u>	<u>30.475.606.433</u>	<u>293.269.496.883</u>

1. The first part of the document is a letter from the author to the editor, dated 19th March 1954. The letter discusses the author's interest in the subject of the journal and the possibility of publishing a paper on the topic.

2. The second part of the document is a letter from the editor to the author, dated 26th March 1954. The editor responds to the author's letter and discusses the journal's policies regarding the submission of papers.

3. The third part of the document is a letter from the author to the editor, dated 2nd April 1954. The author responds to the editor's letter and discusses the author's plans for the paper.

4. The fourth part of the document is a letter from the editor to the author, dated 9th April 1954. The editor responds to the author's letter and discusses the journal's policies regarding the submission of papers.

5. The fifth part of the document is a letter from the author to the editor, dated 16th April 1954. The author responds to the editor's letter and discusses the author's plans for the paper.

6. The sixth part of the document is a letter from the editor to the author, dated 23rd April 1954. The editor responds to the author's letter and discusses the journal's policies regarding the submission of papers.

7. The seventh part of the document is a letter from the author to the editor, dated 30th April 1954. The author responds to the editor's letter and discusses the author's plans for the paper.

8. The eighth part of the document is a letter from the editor to the author, dated 7th May 1954. The editor responds to the author's letter and discusses the journal's policies regarding the submission of papers.

9. The ninth part of the document is a letter from the author to the editor, dated 14th May 1954. The author responds to the editor's letter and discusses the author's plans for the paper.

10. The tenth part of the document is a letter from the editor to the author, dated 21st May 1954. The editor responds to the author's letter and discusses the journal's policies regarding the submission of papers.

11. The eleventh part of the document is a letter from the author to the editor, dated 28th May 1954. The author responds to the editor's letter and discusses the author's plans for the paper.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	117.970.500.000	117.970.500.000
Các cổ đông khác	81.939.700.000	81.939.700.000
Cộng	<u>199.910.200.000</u>	<u>199.910.200.000</u>

19b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	19.991.020	19.991.020
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	19.991.020	19.991.020
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	19.991.020	19.991.020

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19c. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2022 số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022 như sau:

	<u>VND</u>
Phân phối lợi nhuận năm trước	
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 39.982.040.000
Tạm phân phối lợi nhuận sau thuế kỳ này	
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 4.538.420.221
• Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	: 11.700.000.000

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền bao gồm 163.012,73 USD (số đầu năm là 148.274,79 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	362.103.915.788	358.513.015.832

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty còn phát sinh các giao dịch cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con như sau:

1. Đặc điểm chung của các nước đang phát triển

Đặc điểm chung của các nước đang phát triển là có nền kinh tế kém phát triển, trình độ dân trí thấp, đời sống vật chất và tinh thần còn nhiều khó khăn.

2. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng nghèo đói

Nguyên nhân dẫn đến tình trạng nghèo đói là do nhiều yếu tố như: thiên nhiên khắc nghiệt, trình độ dân trí thấp, trình độ công nghệ lạc hậu, trình độ quản lý kém, trình độ đầu tư thấp, trình độ khai thác tài nguyên kém, trình độ bảo vệ môi trường kém, trình độ chăm sóc sức khỏe kém, trình độ giáo dục kém, trình độ y tế kém, trình độ văn hóa kém, trình độ pháp luật kém, trình độ chính trị kém, trình độ xã hội kém, trình độ gia đình kém, trình độ cá nhân kém.

3. Giải pháp khắc phục tình trạng nghèo đói

Giải pháp khắc phục tình trạng nghèo đói là: phát triển kinh tế, nâng cao trình độ dân trí, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần, bảo vệ môi trường, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, văn hóa, pháp luật, chính trị, xã hội, gia đình, cá nhân.

4. Đánh giá vai trò của các nước đang phát triển

Đánh giá vai trò của các nước đang phát triển là: đóng góp vào nền kinh tế thế giới, nâng cao trình độ dân trí, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần, bảo vệ môi trường, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, văn hóa, pháp luật, chính trị, xã hội, gia đình, cá nhân.

5. Đánh giá vai trò của các nước phát triển

Đánh giá vai trò của các nước phát triển là: đóng góp vào nền kinh tế thế giới, nâng cao trình độ dân trí, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần, bảo vệ môi trường, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, văn hóa, pháp luật, chính trị, xã hội, gia đình, cá nhân.

6. Đánh giá vai trò của các nước mới nổi

Đánh giá vai trò của các nước mới nổi là: đóng góp vào nền kinh tế thế giới, nâng cao trình độ dân trí, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần, bảo vệ môi trường, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, văn hóa, pháp luật, chính trị, xã hội, gia đình, cá nhân.

7. Đánh giá vai trò của các nước đang chuyển đổi

Đánh giá vai trò của các nước đang chuyển đổi là: đóng góp vào nền kinh tế thế giới, nâng cao trình độ dân trí, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần, bảo vệ môi trường, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, văn hóa, pháp luật, chính trị, xã hội, gia đình, cá nhân.

8. Đánh giá vai trò của các nước đang phát triển trong bối cảnh toàn cầu

Đánh giá vai trò của các nước đang phát triển trong bối cảnh toàn cầu là: đóng góp vào nền kinh tế thế giới, nâng cao trình độ dân trí, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần, bảo vệ môi trường, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, văn hóa, pháp luật, chính trị, xã hội, gia đình, cá nhân.

9. Đánh giá vai trò của các nước đang phát triển trong bối cảnh Việt Nam

Đánh giá vai trò của các nước đang phát triển trong bối cảnh Việt Nam là: đóng góp vào nền kinh tế thế giới, nâng cao trình độ dân trí, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần, bảo vệ môi trường, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, văn hóa, pháp luật, chính trị, xã hội, gia đình, cá nhân.

Handwritten text at the top of the page, possibly a title or header, which is mostly illegible due to blurriness.

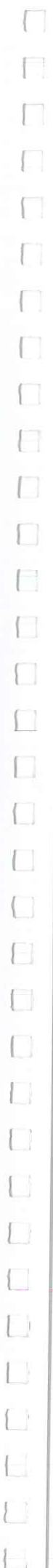
Handwritten text in the upper middle section, appearing to be a list or series of notes.

Handwritten text in the middle section, possibly a continuation of the list or notes.

Handwritten text in the lower middle section, including some lines that appear to be underlined.

Handwritten text in the lower section, possibly concluding the notes or list.

Handwritten text at the bottom of the page, possibly a signature or final note.



CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	6.818.689.122	6.655.132.008
Chi phí vật liệu quản lý	616.207.600	382.359.648
Chi phí đồ dùng văn phòng	700.788.285	575.770.888
Chi phí khấu hao tài sản cố định	386.781.138	499.355.369
Thuế, phí và lệ phí	28.974.867	38.023.698
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	20.604.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.218.865.073	1.642.999.632
Các chi phí khác	15.239.478.331	10.397.728.259
Cộng	26.030.388.416	20.191.369.502

7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền phạt nhiên liệu đội cơ giới	139.803.761	120.173.801
Tiền bồi thường	162.960.203	104.000.000
Các khoản thu nhập khác	44.660.449	671.382
Cộng	347.424.413	224.845.183

8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	452.285.154	43.568.555
Chi phí phải trả thưởng nhiên liệu	175.259.056	153.372.529
Chi phí bồi thường tổn thất hàng hóa	105.405.817	150.594.254
Các khoản chi phí khác	473.998	11.307.826
Cộng	733.424.025	358.843.164

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(3.236.853.553)	(2.163.527.461)
Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.065.646.778	666.384.066
Cộng	(2.171.206.775)	(1.497.143.395)

10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Handwritten text at the top of the page, possibly a title or header, which is mostly illegible due to blurriness.

Section 1: Handwritten text block containing several lines of notes or a list.

Section 2: Handwritten text block, possibly a continuation of notes or a separate entry.

Section 3: Handwritten text block, appearing to be a list or series of entries.

Section 4: Handwritten text block, possibly a summary or concluding remarks.

Section 5: Handwritten text block at the bottom of the page.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	21.249.872.235	18.114.931.655
Chi phí nhân công	91.484.886.040	99.759.502.289
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.712.310.332	19.381.159.894
Chi phí dịch vụ mua ngoài	160.235.394.732	148.901.695.507
Chi phí khác	24.558.909.574	18.567.585.873
Cộng	312.241.372.913	304.724.875.218

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch và không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Chức vụ	Tiền lương	Thưởng	Thưởng BQLĐH	Thù lao	Cộng thu nhập
Kỳ này						
Ông Ngô Văn Ngự	Chủ tịch HĐQT	308.186.917	86.412.957	43.180.724	-	437.780.598
Ông Trần Quang Thảo	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	322.740.961	76.611.337	39.068.273	30.000.000	468.420.571
Ông Đoàn Phi	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	247.771.188	58.968.422	32.899.598	30.000.000	369.639.208
Ông Trịnh Văn Mọi	Thành viên HĐQT	-	-	30.843.373	30.000.000	60.843.373
Ông Đỗ Xuân Minh	Thành viên HĐQT	-	-	30.843.373	30.000.000	60.843.373
Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	Trưởng BKS	-	-	13.365.462	30.000.000	43.365.462
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên BKS	-	-	7.196.787	15.000.000	22.196.787
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên BKS	-	-	7.196.787	15.000.000	22.196.787
Ông Bùi Văn Bằng	Phó Giám đốc	245.139.501	36.481.579	26.730.924	-	308.352.004
Bà Nguyễn Thị Hồng Liên	Kế toán trưởng	151.179.365	46.053.037	24.674.699	15.000.000	236.907.101
Cộng		1.275.017.932	304.527.332	256.000.000	195.000.000	2.030.545.264
Kỳ trước						
Ông Ngô Văn Ngự	Chủ tịch HĐQT	294.388.242	150.572.207	38.006.757	-	482.967.206
Ông Trần Quang Thảo	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	252.590.180	126.432.656	68.774.131	30.000.000	477.796.967
Ông Nguyễn Duy Thanh	Phó Giám đốc (đến 28/4/2021)	53.499.761	94.343.018	-	-	147.842.779

1. The first step in the process of...
 2. The second step is to...
 3. The third step is to...
 4. The fourth step is to...
 5. The fifth step is to...

The total number of...

The following table shows...

Year	Value	Percentage
2000	100	100%
2001	110	110%
2002	120	120%
2003	130	130%
2004	140	140%
2005	150	150%

The total number of...

1. The first step is to...
2. The second step is to...
3. The third step is to...
4. The fourth step is to...
5. The fifth step is to...

The following table shows...

Year	Value	Percentage
2000	100	100%
2001	110	110%
2002	120	120%
2003	130	130%
2004	140	140%
2005	150	150%

The total number of...

1. The first part of the document is a list of names and titles, including 'The Hon. Mr. Justice Goffe', 'The Hon. Mr. Justice Goffe', and 'The Hon. Mr. Justice Goffe'.

Year	Month	Day	Event	Location
1870	Jan	1
1870	Jan	2
1870	Jan	3
1870	Jan	4
1870	Jan	5
1870	Jan	6
1870	Jan	7
1870	Jan	8
1870	Jan	9
1870	Jan	10
1870	Jan	11
1870	Jan	12
1870	Jan	13
1870	Jan	14
1870	Jan	15
1870	Jan	16
1870	Jan	17
1870	Jan	18
1870	Jan	19
1870	Jan	20
1870	Jan	21
1870	Jan	22
1870	Jan	23
1870	Jan	24
1870	Jan	25
1870	Jan	26
1870	Jan	27
1870	Jan	28
1870	Jan	29
1870	Jan	30
1870	Jan	31

2. The second part of the document is a list of names and titles, including 'The Hon. Mr. Justice Goffe', 'The Hon. Mr. Justice Goffe', and 'The Hon. Mr. Justice Goffe'.

Year	Month	Day	Event	Location
1870	Jan	1
1870	Jan	2
1870	Jan	3
1870	Jan	4
1870	Jan	5
1870	Jan	6
1870	Jan	7
1870	Jan	8
1870	Jan	9
1870	Jan	10
1870	Jan	11
1870	Jan	12
1870	Jan	13
1870	Jan	14
1870	Jan	15
1870	Jan	16
1870	Jan	17
1870	Jan	18
1870	Jan	19
1870	Jan	20
1870	Jan	21
1870	Jan	22
1870	Jan	23
1870	Jan	24
1870	Jan	25
1870	Jan	26
1870	Jan	27
1870	Jan	28
1870	Jan	29
1870	Jan	30
1870	Jan	31

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn		
Công ty mẹ cung cấp dịch vụ	4.369.488.475	13.322.678.399
Công ty mẹ cho thuê cơ sở hạ tầng	22.071.132.000	13.530.000.000
Chia cổ tức cho Công ty mẹ	23.594.100.000	30.672.330.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng		
Chi phí mua dầu	6.630.467.263	3.818.035.300
Cung cấp dịch vụ	2.907.301.933	3.996.016.460
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng		
Cung cấp dịch vụ	2.297.760.543	1.905.040.110
Mua phần mềm	764.985.312	-
Sử dụng dịch vụ của các đơn vị:		
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	104.039.793	165.598.983
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	627.597.200	771.326.500
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	1.346.195.704	1.393.360.751
Công ty TNHH Phát triển nguồn Nhân Lực Tân Cảng - STC	28.009.722	1.200.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	731.740.000	728.476.500
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	17.422.000	43.781.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Tây Ninh	-	55.000.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Vũng Tàu	-	37.400.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước	50.723.000	99.154.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương	302.440.068	1.330.850.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	1.488.720.805	1.401.182.363
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	-	10.800.000
Công ty Cổ phần Cung ứng TCOTS - Cát Lái	99.272.750	-

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.13 và V.15, V.16.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Cam kết thuê tài sản dài hạn

Theo hợp đồng thuê quyền sử dụng đất số 759/KVTC-HL ngày 19, 20 tháng 12 năm 2019, Công ty thuê đất của Công ty TNHH Hiệp Lực tại xã Thạnh Mỹ Lợi, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh để kinh doanh kho bãi container. Thời hạn thuê 10 năm kể từ ngày 01/01/2020 đến ngày 01/01/2030. Hợp đồng không hủy ngang. Trong 05 năm đầu, đơn giá thuê là 562.938.000 VND/tháng (bao gồm cả VAT). Đơn giá thuê 05 năm sau sẽ được điều chỉnh theo sự thống nhất của hai bên. Công ty đã thanh toán trước cho Công ty TNHH Hiệp Lực tiền thuê 48 tháng và trừ dần theo hóa đơn xuất hàng quý cho tới hết năm thuê thứ 04 (Xem thuyết minh V.4a, V.4b).

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ xếp dỡ bốc xếp, thực hiện trên địa bàn khu vực Cảng Cát Lái, trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý địa lý.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lập, ngày 8 tháng 8 năm 2022

Người lập biểu



Nguyễn Cẩm Trang

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Liên

Giám đốc



Trần Quang Thảo



...
...
...
...

...
...
...
...
...
...
...
...



...
...
...

...
...
...

...

...

...

